

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 5 - 2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Nhung và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Linh Thị T**, sinh năm: 1990; nơi thường trú: thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn Thác Cát, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh **Lý Tài T**, sinh năm: 1987; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Linh Thị T và anh Lý Tài T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7 năm 2021, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Thác Cát, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long sinh sống. Đến nay, chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 (hai) con chung là Lý Văn K, sinh ngày 01/01/2010 và Lý Văn K1, sinh ngày 29/7/2011. Chị T yêu cầu Tòa án giao con chung Lý Văn K1 cho Chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lý Văn K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T trình bày: Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm, chia sẻ và thông cảm với nhau. Anh T nhiều lần đi chơi qua đêm không về, cũng không thông báo cho chị biết, chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh T không nghe, còn quát mắng, thậm chí đánh chị. Hai bên gia đình đã hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đến nay, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh T. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Chị xin được ly hôn với anh T và tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo cho anh T biết để lấy lời khai và hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, do anh T biết Tòa án triệu tập, nhưng không đến để làm việc. Đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh Thông mới có mặt. Tại phiên tòa, anh thừa nhận việc kết hôn, chung sống và có 02 con chung với chị T là đúng sự thật, nhưng theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị T có quan hệ với người đàn ông khác, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu chị Thẩm phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 12/4/2022, cháu Lý Văn K có nguyện vọng muốn ở cùng với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 22/4/2022, cháu Lý Văn K1 có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, ông Hoàng Văn H - Trưởng thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, nơi chị T và anh T thường trú cho biết: Vợ chồng chị T và anh T có đăng ký kết hôn và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T có trục trặc, mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết rằng vợ chồng chị T và anh T nhiều lần có cãi vã nhau. Nguyên nhân cụ thể do đâu thì địa phương không nắm được. Quá trình chung sống, anh T và chị T sống cùng nhau tại thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay, anh T và T không ở cùng nhau nữa, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Anh T hiện đang làm xa nhà, sáng đi làm tối về nhà. Chị T và anh T có 02 con chung, các cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ của anh T. Nhiều lần Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản giấy tờ liên quan đến vụ

án anh T không có ở nhà, nhưng đều biết vì cán bộ đưa các giấy tờ của Tòa án cho bố, mẹ anh T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu quan điểm: 1) Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Đương sự đã được bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; 2) Về quan điểm giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự được đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã kéo dài. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, do anh T không đến trụ sở Tòa án để làm việc. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng hai bên có mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa, thực tế đời sống vợ chồng không tồn tại, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, vợ chồng cùng thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm luật và không trái đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung đều chưa thành niên. Vợ chồng đều có việc làm, thu nhập và chỗ ở hợp pháp. Theo nguyện vọng của con và đảm bảo quyền bình đẳng của các bên trong việc nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử giao cho mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một con theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 5, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Chị Linh Thị T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn giữa Chị Linh Thị T và anh Lý Tài T tại phiên tòa.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Lý Văn K, sinh ngày 01/01/2010 cho anh Lý Tài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); Giao con chung Lý Văn K1, sinh ngày 29/7/2011 cho chị Linh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); thời điểm trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các bên bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật;

2.2. Anh Lý Tài T và chị Linh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

2.4. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Linh Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0000172 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chị Linh Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã Hòa Bình,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- THADS TP. Hạ Long;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- TAND T. Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm